



CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

PHẠM KHÁNH TOÀN

Bài viết trình bày một cách khái quát về những kết quả đạt được trong việc thực hiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam trong những năm vừa qua. Trên cơ sở phân tích những tồn tại, bất cập và những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Thuế thu nhập doanh nghiệp, ngân sách nhà nước, thuế suất, đối tượng nộp thuế

CORPORATE INCOME TAX POLICY: SITUATION AND RECOMMENDATIONS

Pham Khanh Toan

The article presents an overview of the results achieved on corporate income tax (CIT) policy in Vietnam in recent years. On the basis of analyzing the shortcomings, inadequacies and the related causes, the author proposes a number of solutions to improve the current law on income tax for Vietnamese enterprises.

Keywords: Corporate income tax, state budget, tax rate, taxpayers

Ngày nhận bài: 1/8/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 19/8/2022

Ngày duyệt đăng: 25/8/2022

Đặt vấn đề

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển của thuế. Ở các nước phát triển, thuế TNDN giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN) và thực hiện phân phối thu nhập. Mức thuế cao hay thấp áp dụng cho các chủ thể thuộc đối tượng nộp thuế TNDN là khác nhau, phụ thuộc vào quan điểm điều tiết thu nhập và mục tiêu đặt ra trong phân phối thu nhập của từng quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Trong những năm qua, chính sách thuế TNDN của Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, những thay đổi trong chính sách thuế TNDN thời gian qua ở Việt Nam có tác động như thế nào đến thu ngân sách và nền kinh tế lại chưa được

nguyên cứu thấu đáo về định lượng. Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu cặn kẽ về thực tiễn chính sách thuế và quản lý thuế TNDN ở Việt Nam.

Đánh giá thực trạng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết quả đạt được trong việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp

Hiện nay, DN kinh doanh tại Việt Nam sẽ đóng thuế TNDN tùy thuộc vào ngành nghề và sẽ có nghĩa vụ với những loại thuế khác nhau. Dù thuộc loại hình DN nào thì cũng phải nộp 4 loại thuế cơ bản: Thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân.

Thuế TNDN là sắc thuế rất quan trọng trong hệ thống thuế của các quốc gia. Thuế TNDN không chỉ quan trọng trên phương diện là công cụ tạo số thu lớn cho NSNN, mà còn là công cụ rất hữu hiệu để Nhà nước thực hiện điều tiết vĩ mô nền kinh tế, điều chỉnh hành vi của các DN, các tổ chức sản xuất kinh doanh (SXKD) trong nền kinh tế. Một chính sách thuế TNDN tốt và được tổ chức quản lý tốt có tác động quan trọng đến sự phát triển của nền kinh tế.

Hiện nay, Luật Thuế TNDN năm 2008 (số 14/2008/QH12) qua các lần sửa đổi, bổ sung (Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH năm 2020 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Thuế TNDN) có nhiều quy định mới về thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế; xác định thu nhập tính thuế, thuế suất, ưu đãi về thuế TNDN. Trong khi đó, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 05/12/2020 có nhiều điểm mới quy định về thuế TNDN so với những quy định trước đây. Phần lớn những quy



định được thay đổi để đem lại lợi ích cho DN, giúp DN thực hiện hoạt động kinh doanh được thuận lợi hơn. Những kết quả đạt được của thuế TNDN thể hiện qua những mặt sau:

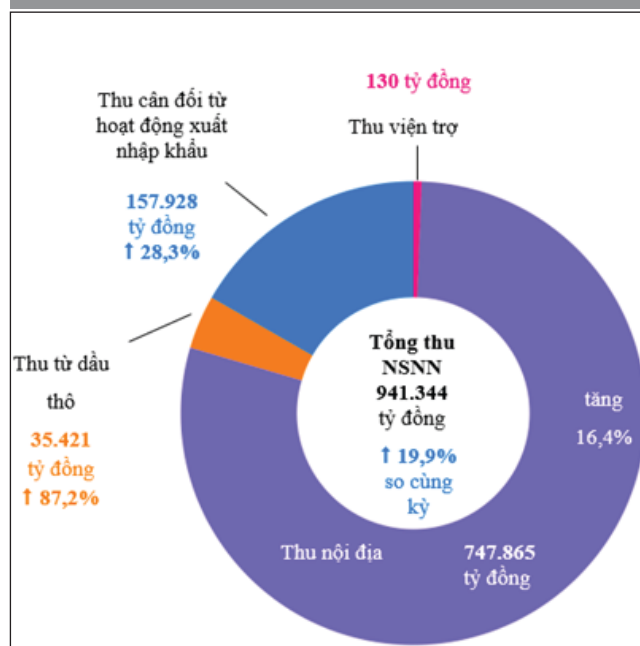
Thứ nhất, thuế TNDN là nguồn thu quan trọng của NSNN. Phạm vi áp dụng của thuế TNDN là các tổ chức kinh tế, các DN thuộc các thành phần kinh tế hoạt động SXKD có phát sinh lợi nhuận. Nền kinh tế thị trường nước ta ngày càng phát triển; các DN càng tăng lên cả về số lượng, quy mô tổ chức, năng lực quản lý, tài chính; phạm vi hoạt động SXKD, dịch vụ của DN càng mang lại nhiều lợi nhuận thì khả năng huy động nguồn tài chính cho NSNN thông qua thuế TNDN ngày càng dồi dào. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2022 kết quả thu NSNN được thể hiện qua báo cáo của Bộ Tài chính như Hình 1.

Đến nay, thuế TNDN vẫn là khoản thu quan trọng, chiếm khoảng 23 - 24% tổng số thu thuế của Việt Nam. Cơ cấu thu NSNN được thể hiện qua Bảng 1.

Thứ hai, thuế TNDN là công cụ quan trọng để góp phần khuyến khích, thúc đẩy SXKD phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Nhà nước.

Xuất phát từ bản chất và chức năng của mình, nên thuế (trong đó có thuế TNDN) được sử dụng làm công cụ để phát triển kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội. Đối với nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam, thuế được sử dụng với những thuế suất ưu đãi hợp lý, có thời hạn nhằm khuyến khích sự phát triển của các ngành nghề cần khuyến khích phát triển như ngành công nghiệp cơ khí, công nghệ cao, chế biến nông sản... hay thu hút đầu tư vào những vùng có khó khăn để đảm bảo sự phát triển đồng đều, tạo sự công bằng giữa các vùng trong quốc gia đối với các thành quả của tăng trưởng kinh tế. Các ưu đãi đó thường được áp dụng dưới hình thức miễn giảm thuế TNDN hay một số loại thuế khác trong một thời hạn nhất định sau đầu tư, hay áp dụng thuế suất khác nhau tùy theo vùng hoặc ngành nghề. Ví dụ: miễn thuế TNDN, áp dụng thuế suất 10% hoặc 15% TNDN đối với một số trường hợp trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

HÌNH 1: TỔNG HỢP TỪ NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021



Nguồn: Bộ Tài chính (2022)

Khu vực DNNVV có vai trò hết sức quan trọng ở cả những nước phát triển cũng như các quốc gia đang phát triển do khu vực này đảm bảo công ăn việc làm cho một tỷ lệ lớn lực lượng lao động. Để phát triển khu vực DNNVV, chính sách thuế có vai trò hết sức quan trọng, vừa có tính chất “bà đỡ”, vừa mang vai trò hướng dẫn cho sự phát triển của các DN này. Hạn chế của các DNNVV là hạn chế về quy mô vốn, khó tiếp cận nguồn tín dụng, quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Do đó, chính sách thuế với những ưu đãi, miễn, giảm thỏa đáng (như miễn thuế cho các cơ sở đào nghề cho người lao động, nghiên cứu áp dụng thuế suất ưu đãi cho các DNNVV, đặc biệt là các DN ở vùng có khó khăn, sử dụng nhiều lao động thủ công hoặc áp dụng các công nghệ mới, sản xuất ra các sản phẩm có tính năng công nghệ cao, hay có tính xã hội lớn) có tác động rất lớn đối với việc khuyến khích, thúc đẩy phát triển SXKD của các DN này.

Thứ ba, chính sách thuế TNDN ngày càng công khai, minh bạch, đơn giản, đồng bộ với hệ thống

BẢNG 1: CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM

		2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng thu ngân sách và viện trợ (nghìn tỷ đồng)		827	876	996	1080	1227	1254	1423	1326	1374
Thu từ thuế		82,8	81,8	75,9	75,2	75,7	81,5	77,7	75,5	75,7
Trong đó:	Thuế TNDN	33,9	29,0	26,5	23,3	23,4	24,6	24,7	24,1	24,3
	Thuế TNCN	6,9	6,7	7,5	8,4	8,5	9,2	9,7	8,9	9,1
Viện trợ		1,35	1,27	1,22	0,75	0,66	0,64	0,21	0,31	0,33
Thu khác		15,8	16,8	22,9	24,1	23,6	25,9	22,1	16,1	17,1

Nguồn: IMF Country Reports (2013, 2021)



pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn, góp phần đảm bảo quyền lợi và tạo thuận lợi cho DN.

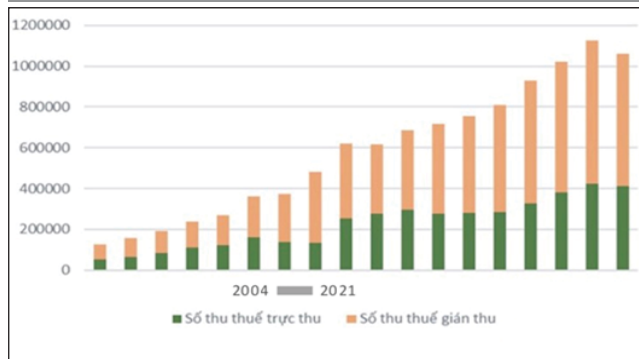
Chính sách thuế TNDN thời gian qua khá phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội hiện nay và thập niên tiếp theo. Qua hai cuộc cải cách lớn đã tái cấu trúc hệ thống thuế trong nền kinh tế chỉ tập trung và hình thành các loại thuế mới như thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân. Cải cách thay đổi cơ cấu hệ thống thuế đã giúp giảm sự lệ thuộc vào thu từ đầu thô và thuế nhập khẩu; tỷ trọng thu chuyển từ khu vực kinh tế nhà nước sang khu vực kinh tế tư nhân. Dù thuế suất thuế TNDN đã điều chỉnh giảm nhưng số thu ngân sách từ thuế TNDN có xu hướng tăng nhờ những điều chỉnh hợp lý trong quy định căn cứ tính thu nhập tính thuế, giảm thuế giúp DN gia tăng quy mô SXKD, nuôi dưỡng nguồn thu NSNN, con số này được thể hiện ở Hình 2.

Chính sách thuế cũng được sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp thông lệ quốc tế là cho phép trừ các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD của DN có kèm theo các hoá đơn, chứng từ hay quy định về các khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN chặt chẽ phù hợp thực tế, qua đó góp phần hạn chế tình trạng các DN lợi dụng để chuyển giá, trốn thuế. Việc bỏ quy định khống chế khoản chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, hỗ trợ tiếp thị... đã đảm bảo phù hợp với thực tiễn, phản ánh đúng bản chất của khoản chi, bảo hộ hợp lý đối với các DN NVV (chiếm gần 90% tổng số DN đăng ký thành lập trong những năm gần đây), đồng thời tạo điều kiện cho các DN hoạt động SXKD, tạo môi trường thu hút đầu tư hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, chính sách ưu đãi thuế TNDN đã quy định phù hợp với thông lệ quốc tế chung và tiến trình phát triển của đất nước.

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-BTC năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Thuế TNDN và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Đầu tư quy định những hình thức ưu đãi thuế TNDN bao gồm hai hình thức: ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế. Chính sách thuế TNDN đã áp dụng “linh hoạt” và “hiệu quả” các mức thuế suất theo từng đối tượng DN và ngành nghề cụ thể. Các danh mục, các lĩnh vực ngành nghề và địa bàn khuyến khích đầu tư đang áp dụng theo hướng rút ngắn danh mục này xuống một mức độ phù hợp. Phạm vi ưu đãi chung đã được thu hẹp, bởi vì cần tạo ra nguồn thu để bù đắp không chỉ do giảm thuế nhập khẩu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, mà còn bù đắp sự sụt giảm về thu ngân sách có thể xảy ra do cải cách cấu

HÌNH 2: TÌNH HÌNH SỐ THU THUẾ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2004 - 2021 (Tỷ đồng)



Nguồn: Tổng hợp từ Quyết toán NSNN của Bộ Tài chính

trúc của các sắc thuế khác cho phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển của thế giới.

Trên thực tế, việc mở rộng đối tượng được ưu đãi thuế TNDN đã góp phần khuyến khích DN thực hiện đầu tư mới, hiện đại, mở rộng sản xuất kinh doanh. Từ đó có tác động tích cực trong phân bổ nguồn lực, khuyến khích và thu hút đầu tư có chọn lọc để phát triển các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và một số ngành nghề, lĩnh vực trọng điểm, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn. Chính sách ưu đãi thuế hiện nay tại Việt Nam áp dụng thống nhất cho cả DN trong nước và DN có vốn đầu tư nước ngoài vừa tạo ra sự bình đẳng cho tất cả các nhà đầu tư, vừa tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch cho các DN thuộc mọi thành phần kinh tế.

Một số tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, việc quan tâm đến chính sách của các DN vẫn còn hạn chế và vẫn còn nhiều tình trạng gian lận thuế TNDN. Vẫn còn tình trạng thất thu NSNN, nhất là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, trong đó tập trung vào những lĩnh vực như: xây dựng cơ bản, khai thác tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh phương tiện vận tải tư nhân, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại điện tử bán hàng qua mạng... Số liệu của Tổng cục Thuế cho thấy, trong giai đoạn 2013-2021, công tác thanh tra, kiểm tra của ngành Thuế đã phát hiện có tổng số 642.423 DN vi phạm thuế TNDN với tổng số thuế TNDN thu về là 35.992,09 tỷ đồng và giảm lỗ là 185.002,2 tỷ đồng. Trong suốt giai đoạn này, số DN vi phạm tăng mạnh, từ 31.759 DN năm 2013 lên 103.211 DN năm 2020 và 95.936 DN năm 2021 lượng giảm lỗ tăng mạnh, từ 10.841,9 tỷ đồng năm 2013 lên 40.914,56 tỷ đồng năm 2021, góp phần làm tăng số thuế về cho NSNN từ 1.783,07 tỷ đồng (0,37% tổng thu thuế) năm 2013 lên 7.144,73 tỷ đồng (0,77 tổng thu thuế hay 2,85% tổng số thu từ thuế TNDN) năm 2021.

Thứ hai, pháp luật chưa có quy định chi tiết rõ



ràng và bất cập trong việc hướng dẫn từ cơ quan áp dụng. Pháp luật quy định các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD của DN là điều kiện để DN được khấu trừ thuế TNDN. Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật lại không quy định chi tiết và rõ ràng về việc chi phí nào được coi là chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD của DN hay có hướng dẫn chi tiết hoặc điều kiện chi tiết về việc xác định chi phí được khấu trừ này. Điều này gây khó khăn cho các DN. Trong thực tế, khi không có các hướng dẫn và điều kiện chi tiết, việc xác định đâu là khoản chi phí liên quan đến hoạt động SXKD của DN phải dựa vào các chứng từ, văn bản liên quan đến khoản chi để xét tính hợp lý của khoản chi và xác định khoản chi phí liên quan đến hoạt động SXKD. Đồng thời, xét tính hợp lệ và hợp lý của khoản chi liên quan đến hoạt động kinh doanh là xét dựa trên các tiền lệ và do cơ quan thuế xét. Điều này còn mang tính chủ quan của cơ quan áp dụng pháp luật, chưa thực sự mang tính quy chuẩn và phổ thông.

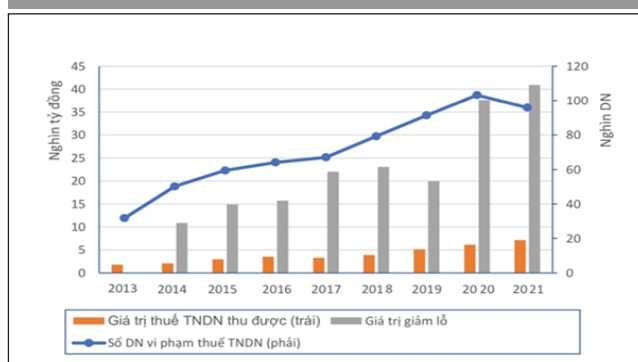
Thứ ba, chứng từ hóa đơn thanh toán còn nhiều bất cập. Các hóa đơn, chứng từ vẫn đang trong quá trình được pháp luật điều chỉnh là chứng từ, sổ sách kế toán bằng được lưu trữ và trích xuất theo thời gian quy định của Luật Kế toán. Tuy nhiên, pháp luật lại chưa quy định rõ ràng về chứng từ, hóa đơn điện tử đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực trực tuyến.

Thứ tư, hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật chưa phát huy tối đa hiệu quả. Đối với hoạt động thuế nói riêng và hoạt động áp dụng pháp luật hiện nay vẫn còn bị động và thiếu sót do quá trình tuyên truyền và phổ biến các quy định pháp luật từ cơ quan áp dụng pháp luật. Nhà nước hiện nay đang đẩy mạnh tuyên truyền, áp dụng pháp luật để đi sâu đi sát vào đời sống và hoạt động của người dân, của DN. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế dẫn đến các quy định pháp luật luôn có sự thay đổi không ngừng để bắt kịp với thời đại. Do đó, DN phải cập nhật thường xuyên, liên tục các quy định này. Đồng thời, cơ quan áp dụng pháp luật cũng cần có những văn bản hướng dẫn, những buổi tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện và đào tạo cho DN. Trên thực tế, việc tổ chức tuyên truyền này vẫn chưa đạt được kết quả như kỳ vọng, từ đó gây ra những hạn chế đó là hoạt động của các DN không cập nhật kịp thời quy định của pháp luật dẫn đến việc làm sai, làm thiếu...

Đề xuất, kiến nghị

Nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả quản lý thuế, đặc biệt là thuế TNDN nhằm hạn chế tình trạng thất thu thuế, trong thời gian tới, tác giả kiến nghị một số giải pháp sau:

HÌNH 3: TÌNH HÌNH VI PHẠM THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013-2021



Nguồn: Tổng cục Thuế (2021)

Thứ nhất, để hạn chế tình trạng trốn thuế TNDN, cơ quan quản lý thuế cần liên tục cập nhật các thủ đoạn gian lận thuế, tạo cơ sở để cơ quan thuế địa phương ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thuế. Trong trường hợp ngày càng phát sinh nhiều loại hình SXKD hàng hóa, dịch vụ, nhiều phương thức giao dịch như hiện nay, các thủ đoạn gian lận thuế cũng không ngừng gia tăng, ngày càng đa dạng, tinh vi, nên việc cập nhật, nhận biết các thủ đoạn gian lận, phục vụ cho công tác quản lý thuế là rất cần thiết.

Thứ hai, nghiên cứu, bổ sung xây dựng các chi tiết các điều kiện liên quan đến khoản chi phí được khấu trừ và không được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế TNDN.

- Về các phí được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: Cần bổ sung chi tiết hơn các điều kiện về khoản thu cho hoạt động SXKD, chẳng hạn: chi phí đáp ứng các điều kiện như thế nào được xem là chi phí cho hoạt động SXKD. Ngoài ra, với các chi phí đã được hạch toán là chi phí cho hoạt động SXKD nhưng bị gạt bỏ ra sau khi cơ quan thuế kiểm tra, cơ quan thuế cần có hướng dẫn để DN nắm rõ về nội dung các khoản chi này và tránh lặp lại. Bên cạnh đó, khi điều kiện kinh tế phát triển nhưng pháp luật chưa thay đổi, cơ quan thuế cần dựa vào tình hình thực hiện và những sai phạm thường gặp tại địa phương để đưa ra các văn bản, công văn hướng dẫn chi tiết đến DN tránh trường hợp cũng lỗi nhiều DN mắc phải và mắc nhiều lần qua các năm...

- Về các khoản chi phí không được khấu trừ: Nhà nước và các cơ quan thuế cần tạo điều kiện để DN thực hiện các biện pháp khắc phục lỗi do tính sai, áp dụng sai hoặc hạch toán sai đối với các khoản chi phí.

Thứ ba, kiến nghị về quy định về chứng từ, hóa đơn khi tính thuế TNDN.

Nên có các chế tài ngay về hóa đơn, chứng từ ngay khi thực hiện hoạt động mua bán, cung cấp dịch vụ. Việc không cung cấp hóa đơn, chứng từ nên có quy chế



từ khi hàng hóa dịch vụ được đề xuất tránh dẫn đến việc kê khai thuế cuối cùng không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ. Đẩy mạnh các chính sách, ưu đãi khi thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt nhằm vừa giúp cập nhật kịp thời xu thế chung của nền kinh tế, vừa giúp cho các khoản chi phí minh bạch hơn, rõ ràng hơn cho việc sử dụng tiền mặt không hóa đơn, chứng từ.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục phát huy hiệu quả của hóa đơn điện tử như thời gian vừa qua. Việc này không chỉ mang lại nhiều lợi ích cho DN mà cả đối với cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan. Bởi việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp cơ quan thuế xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn; kết hợp với các thông tin quản lý thuế khác để xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về người nộp thuế đáp ứng yêu cầu phân tích thông tin phục vụ điều hành, dự báo, hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ luật về thuế và quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Đồng thời, ngăn chặn kịp thời hóa đơn của các DN bỏ trốn, mất tích, góp phần ngăn chặn tình trạng gian lận thuế, trốn thuế...


Thứ tư, để nâng cao hiệu quả việc thực thi pháp luật cần tiếp tục tập trung một số nội dung sau:

- *Đối với hệ thống thông tin kê khai và thủ tục thuế*: Nhà nước nên đẩy mạnh tập trung vào hoạt động tự động hóa hệ thống thông tin kê khai thuế, tạo nền tảng để các DN kê khai và có các văn bản hướng dẫn chi tiết, hỗ trợ cho các DN kê khai thuế. Đi kèm với hệ thống chứng từ, hóa đơn điện tử, cơ quan thuế cũng nên áp dụng biện pháp thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn thông qua Cổng thông tin trực tuyến để DN dễ dàng tiếp cận hơn với các thủ tục hành chính.

- *Đối với các cơ quan thuế*: Cần có sự đồng nhất trong các chỉ đạo, hướng dẫn với cán bộ thuế để hướng dẫn xuống các DN. Hàng năm, các cơ quan thuế từ cấp huyện đến cấp cao hơn nên rà soát các hoạt động, quy định của mình để có được các hướng dẫn chi tiết cũng như giải quyết được các vấn đề, thắc mắc của các DN. Đối với các trường hợp sai phát sinh nhiều và tương tự ở các DN, cơ quan thuế nên có các văn bản hướng dẫn chi tiết, tạo bộ tài liệu hướng dẫn các DN khác không lặp lại sai sót này. Ngoài ra, cần có sự đồng bộ, thống nhất trong cùng hệ thống ngang dọc khi áp dụng pháp luật về thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng.

- *Đối với hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật về thuế TNDN*: Để tăng hiệu quả áp dụng luật thuế TNDN, các cơ quan Nhà nước, cơ quan thuế cần đẩy mạnh quá trình tuyên truyền và phổ biến pháp luật đến DN. Cụ thể, có thể sử dụng hình thức tổ chức các buổi đào tạo, hướng dẫn thực thi pháp luật về TNDN tại địa phương, giải đáp các hướng dẫn thắc mắc mà DN gặp phải khi áp dụng thuế TNDN. Các cơ quan, tổ chức cần tăng cường trao đổi, tiếp xúc trực tiếp với đơn vị áp dụng pháp luật để nhận thức được các hạn chế trong hoạt động quản lý thuế TNDN, qua đó có những cải tiến và thay đổi phù hợp...

Kết luận

Thuế TNDN là nguồn thu trọng yếu của NSNN, do đó, các quy định của pháp luật và hoạt động áp dụng pháp luật thuế TNDN cần được coi trọng trong hoạt động thu thuế. Trong nhiều năm qua, thuế TNDN đã thực hiện tốt phần nào vai trò của mình là công cụ quản lý của Nhà nước đồng thời là nguồn thu để Nhà nước xây dựng các chính sách, đường lối, chủ trương để thúc đẩy hoạt động của nền kinh tế, hoạt động của DN. Hoạt động thuế TNDN cần được chú trọng ngày càng hoàn thiện vừa đảm bảo nguồn NSNN, vừa là thước đo phản ánh trình độ và sự phát triển của một nền kinh tế. Ngoài những giải pháp hoàn thiện pháp luật thì cần có sự thay đổi của người dân và bản thân nội tại các DN để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thuế TNDN. 

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2014), Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế;
2. Chính phủ (2020), Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
3. Tổng cục Thuế (2019), Báo cáo tình hình thuế TNDN 2010-2018;
4. VERP (2020), Trốn và tránh thuế ở Việt Nam trường hợp thuế TNDN;
5. Phạm Quỳnh Mai (2021), "Ảnh hưởng của chính sách thuế tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam", Tạp chí Tài chính số kỳ 1 tháng 11/2021.

Thông tin tác giả:

Phạm Khánh Toàn

Chi cục Thuế khu vực Giá Rai – Đông Hải (Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu)

Email: pktoan.bli@gdt.gov.vn



Tiền thuế là của dân,
do dân đóng góp
để phục vụ lợi ích của nhân dân